

Đơn vị tổ chức | Organizers



Đơn vị đồng hành | Affiliations



NĂNG LỰC XÉT NGHIỆM VI SINH VÀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT VỆ SINH ATTP TRONG LĨNH VỰC CNTY

TS. NGUYỄN THỊ THÚY MẬN

TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN VÀ XÉT NGHIỆM THÚ Y TRUNG ƯƠNG II

<https://cdxntw2.com.vn>

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2025

www.vpo.today

2026

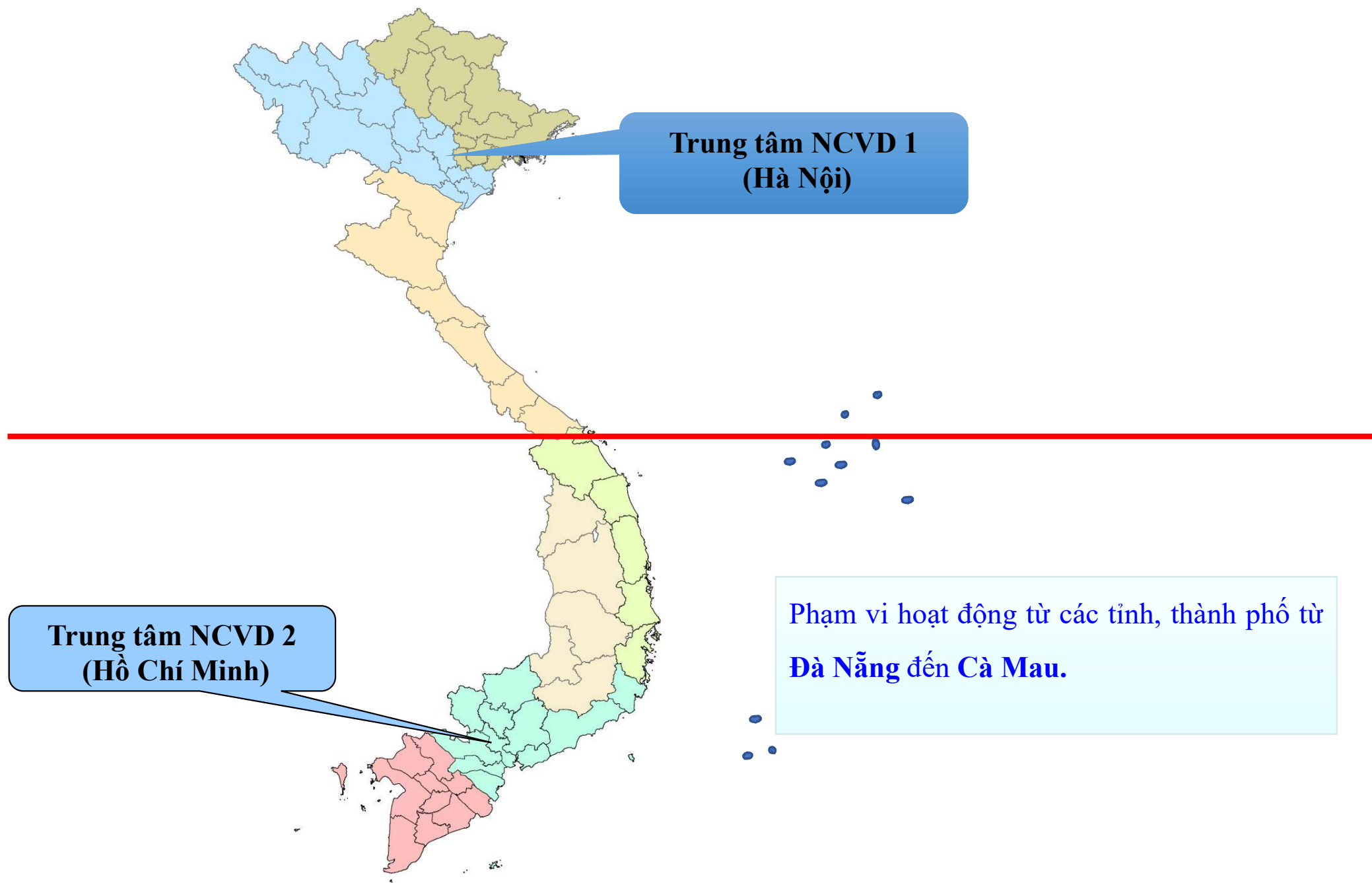


NỘI DUNG

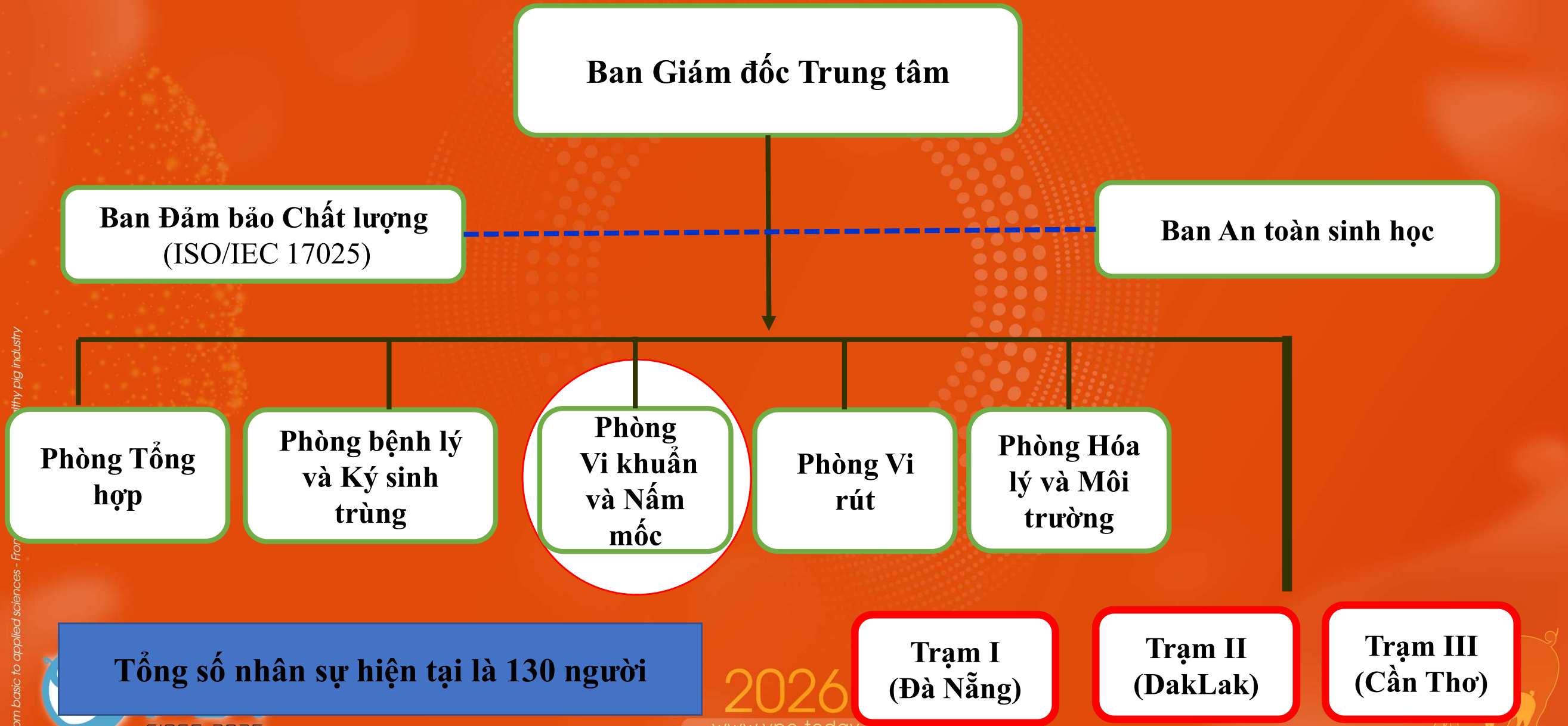
1. Giới thiệu về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của NCVD2
2. Năng lực chẩn đoán, xét nghiệm
3. Công tác kiểm soát vệ sinh ATTP trong lĩnh vực CNTY



Phạm vi hoạt động của Trung tâm



Sơ đồ tổ chức của Trung tâm



From basic to applied sciences - For



Giới thiệu về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của NCVD2



TRẠM II



TRẠM III



TRẠM I



From basic to applied sciences - From farm to fork - For a healthy pig industry



SINCE 2025

Tầm nhìn và sứ mệnh

- **Tầm nhìn và sứ mệnh:** Trở thành trung tâm hàng đầu cả nước về chẩn đoán, xét nghiệm thú y, nòng cốt trong kiểm soát, cảnh báo dịch bệnh động vật và vệ sinh an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị sản xuất.
- Chức năng: phục vụ quản lý nhà nước về Chẩn đoán, xét nghiệm trong phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, kháng thuốc.



Nhiệm vụ:

1. Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, TCVN, QCVN, định mức kinh tế kỹ thuật.
2. Xây dựng các quy trình Chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật; xét nghiệm vệ sinh thú y; an toàn thực phẩm, kháng thuốc; quy trình đánh giá, kiểm nghiệm, khảo nghiệm các loại vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y.
3. Tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật: lấy mẫu, chẩn đoán, xét nghiệm dịch bệnh động vật.
4. Xét nghiệm phục vụ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.



Nhiệm vụ:

5. Thực hiện các chương trình giám sát VSTY, ATTP, kháng thuốc
6. Đánh giá, chứng nhận sự phù hợp
7. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả của các loại thuốc, VX, chế phẩm sinh học dùng trong thú y đã được phép lưu hành
8. Thu thập, bảo quản, lưu giữ, chuyển giao, sử dụng giống vi sinh vật dùng trong thú y



Nhiệm vụ:

9. Hợp tác quốc tế, khoa học và công nghệ: đào tạo tập huấn, đánh giá phòng thí nghiệm, tham gia các chương trình nghiên cứu
10. Xây dựng, lưu trữ, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin dữ liệu CĐ-XN, kiểm tra VSTY, ATTP và kháng thuốc
11. Cung cấp các dịch vụ về CĐ-XN BĐV; kiểm tra VSTY, ATTP và kháng thuốc
12. Tổ chức đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thú y cho tổ chức, cá nhân



2. Năng lực tổng thể

- **Cơ sở vật chất:** hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyên môn
- **Nhân lực:** trình độ cao, giàu kinh nghiệm
- **Trang thiết bị:** tiên tiến, đồng bộ, hiệu chuẩn bảo trì định kỳ
- **Quy trình:** chuẩn hóa, tuân thủ tiêu chuẩn
- **Nguyên vật liệu:** được kiểm soát chặt chẽ
- **Hệ thống quản lý chất lượng:** hiệu quả




Năng lực chẩn đoán - xét nghiệm của Trung tâm

- Tổng số phép thử đã xây dựng, công nhận: 536 phép thử
 - + Lĩnh vực Sinh học: Chẩn đoán bệnh động vật, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, kháng kháng sinh
 - + Lĩnh vực Hóa học: thực hiện tại trụ sở chính





Nhóm kỹ thuật & qui trình xét nghiệm

Nhóm xét nghiệm	Phương pháp xét nghiệm	Đối tượng xét nghiệm
1. Hoá lý-dư lượng	<ul style="list-style-type: none"> - ELISA; HPLC; GC/MS, ICP/MS - LC MS/MS; Q-TOF - Hóa cơ bản 	<p>Kháng sinh/ Hormon/ độc tố</p> <p>Môi trường chăn nuôi</p>
2. Vệ sinh Thú y, ATTP, kháng kháng sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi cấy, Phân lập-định danh; - Real-time PCR, PCR, - ELISA 	<p>Vi khuẩn, nấm, giám định DNA loài động vật</p>
3. Bệnh động vật trên cạn	<ul style="list-style-type: none"> - Real-time PCR, PCR; - ELISA; - Sequencing 	<p>Vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng,..</p>
 <p>4. Bệnh Thủy sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nuôi cấy, Phân lập 	



Quản lý, hoạt động phòng thí nghiệm

1. Đăng ký hoạt động theo: Nghị định 107/2016/NĐ-CP (Nghị định số 22/2026/NĐ-CP) gồm:

- Do UB TCĐL CL QG của Bộ KH&CN cấp. Mã số: 388/TN-TĐC.
- Do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp. Mã số: TN 25-24/BNN, TN14-18/BNN,
- Do Cục NAFI cấp.

2. Tiêu chuẩn phòng thí nghiệm: ISO/IEC 17025:2017

- VP Công nhận Chất lượng (BoA) - Bộ KH và CN cấp. Mã số: VILAS 514.
- Công ty AOSC cấp. Mã số: VLAT 1.009,

3. Bảo đảm an toàn sinh học tại Phòng xét nghiệm: Nghị định 103/2016/NĐ-CP



Tài liệu tham khảo xây dựng qui trình chẩn đoán – xét nghiệm

Codes and Manuals | Publications | Documentary Portal | Training Platform | [Bookshop](#) | EN [FR](#) [ES](#)



[Animal Diseases](#)

[Avian Influenza](#)

[90th General Session](#)

[SEARCH](#)

[WHO WE ARE](#) ▾

[WHAT WE DO](#) ▾

[WHAT WE OFFER](#) ▾

[MEDIA](#) ▾

[WAHIS](#) ↗

*Manual of Diagnostic Tests and Vaccines
for Terrestrial Animals 2022*




TCCS
CỦA CỤC CNTY



Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp

Codes and Manuals | Publications | Documentary Portal | Training Platform | ANIMUSE | PVSIS | The Animal Echo | Bookshop | EN FR

 World Organisation for Animal Health

The State of the World's Animal Health | Animal Diseases | 93rd General Session

WHO WE ARE | WHAT WE DO | WHAT WE OFFER | MEDIA | WAHIS

Home » What we offer » Ensuring access to quality veterinary products » Developing standards for diagnostic tests

CHAPTER 1.1.6.

PRINCIPLES AND METHODS OF VALIDATION OF DIAGNOSTIC ASSAYS FOR INFECTIOUS DISEASES

NB: Version adopted by the World Assembly of Delegates of the OIE in May 2011

VALIDATION GUIDELINE 3.6.5.

STATISTICAL APPROACHES TO VALIDATION

INTRODUCTION

The OIE Validation Guidelines provide detailed information and examples in support of the OIE validation standard that is published as Chapter 1.1.5 of the Terrestrial Manual, or Chapter 1.1.2 of the Aquatic Manual. The Term "OIE Validation Standard" in this Guideline should be taken as referring to those chapters.

INTERNATIONAL STANDARD

ISO 16140-3

First edition
2021-01

Microbiology of the food chain — Method validation —

ISO 13843:2017

Water quality — Requirements for
establishing performance
characteristics of quantitative
microbiological methods

Hoạt động thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng



Europe



Germany



AAHL
Australia



United Kingdom



Viet Nam



United States



Germany



Viet Nam



Viet Nam



Trung tâm thường xuyên tham gia so sánh liên phòng (PT) với các tổ chức như:

- Viện Kiểm nghiệm ATTP – Bộ Y tế.
- Bệnh viện Nhiệt đới Tp HCM.
- Trung tâm 3 – Bộ KH và CN.
- Công ty TNHH AoV.
- Các PTN khác như CASE
- Các PTN quốc tế



3. Công tác kiểm soát vệ sinh ATTP trong lĩnh vực CNTY

STT	Chỉ tiêu (Định tính/ định lượng)	Phương pháp	Tổng số phép thử	Tổng số mẫu/năm
1	Tổng số vi sinh vật	Đếm nhanh bằng đĩa petrifilm, MPN, đếm khuẩn lạc, nuôi cấy phân lập truyền thống, PCR, realtime PCR	30	50.000
2	<i>E. coli</i>			
3	<i>Coliforms</i>			
4	<i>Enterobacteriaceae</i>			
5	<i>L. monocytogens</i>			
6	Nấm mốc và nấm men			
7	<i>Staphylococcus aureus</i>			
8	<i>Clostridium perfringens</i>			
9	<i>Vibrio parahaemolyticus</i>			
10	<i>E.coli O157:H7</i>			



Các hoạt động trong phòng thí nghiệm vi sinh

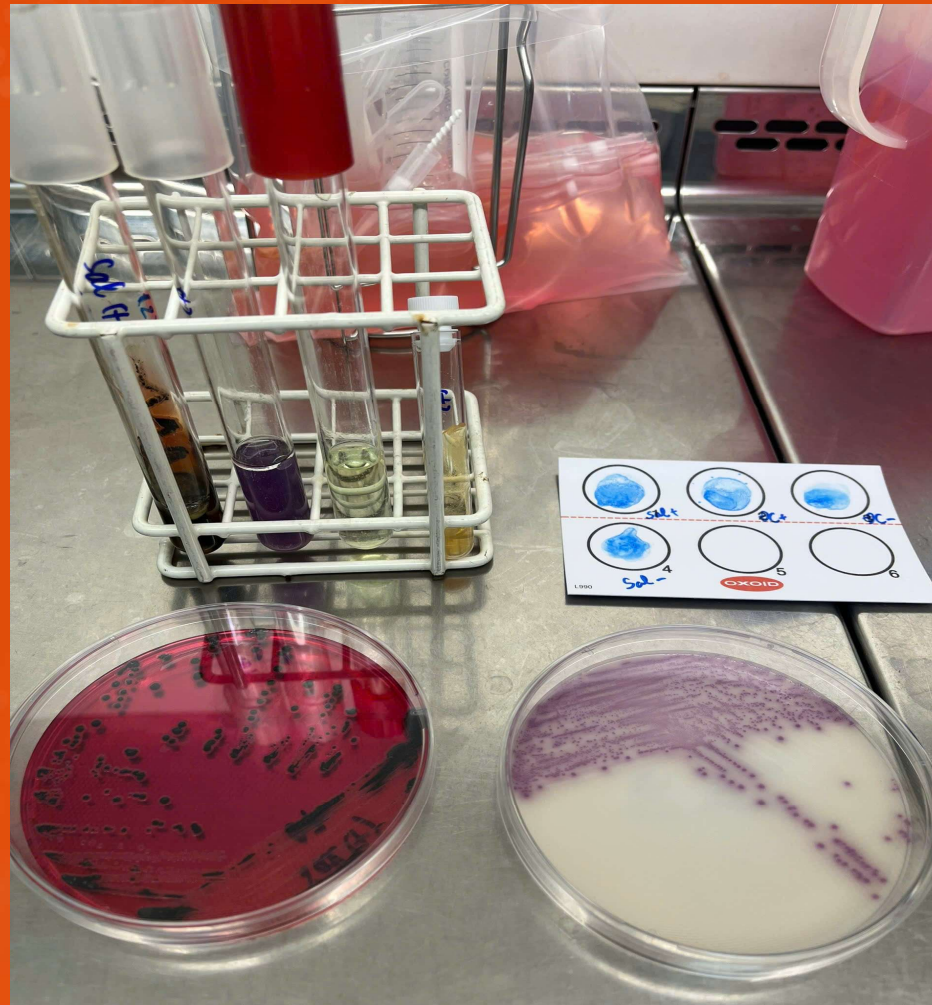
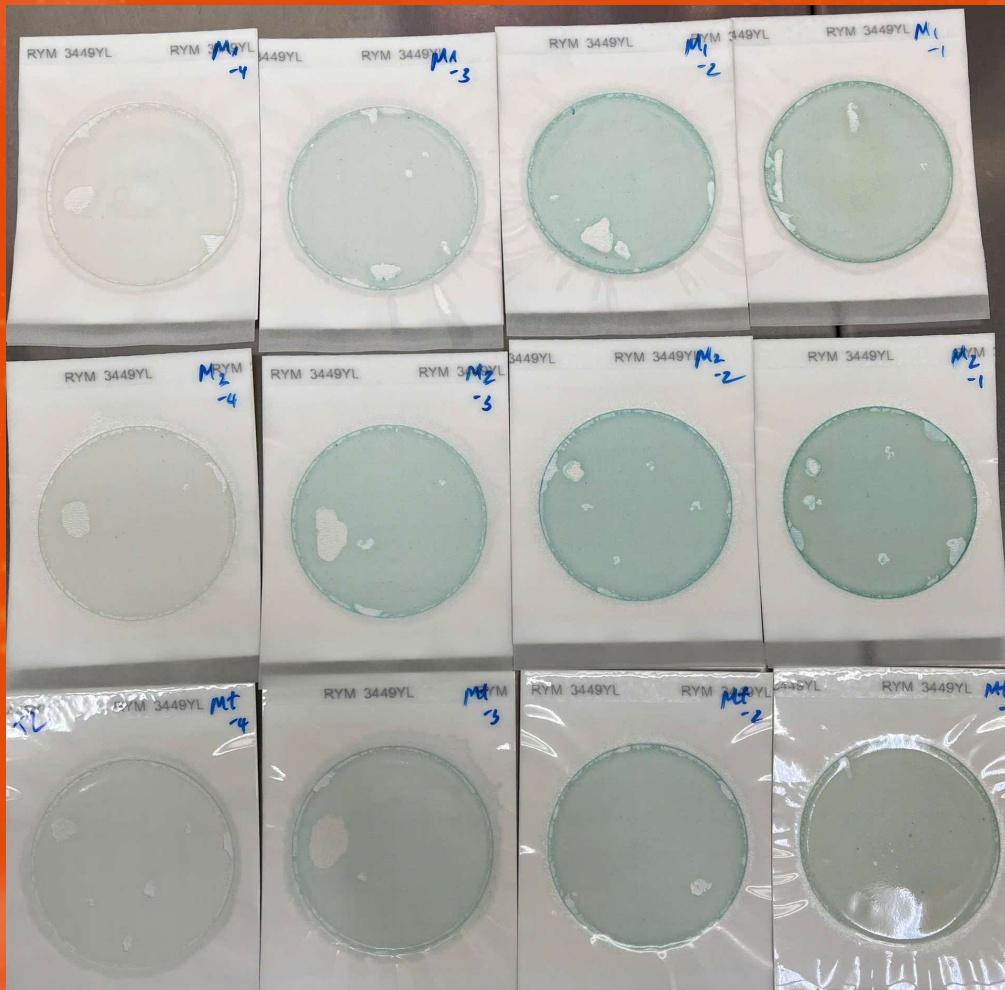


2020

www.vpo.today



Các hoạt động trong phòng thí nghiệm



Hệ thống máy realtime PCR và robot tự động



Kết quả chương trình giám sát ATTP đối với chuỗi sản xuất thịt gà phục vụ xuất khẩu từ năm 2022 - 2025

Địa điểm	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2022-2025		
			Số lượt mẫu phân tích	Số lượt mẫu không đạt	Số lượt mẫu phân tích	Số lượt mẫu không đạt	Số lượt mẫu phân tích	Số lượt mẫu không đạt	Số lượt mẫu phân tích	Số lượt mẫu không đạt	Số lượt mẫu phân tích	Số lượt mẫu không đạt	Tỷ lệ không đạt (%)
CS giết mổ	Da cổ gà (sau khi hoàn tất giết mổ)	<i>Salmonella</i>	50	0	100	0	100	0	150	0	400	0	0
CS chế biến	Thịt gà (sau khi công đoạn chế biến hoàn tất)	<i>E.Coli</i>	10	0	20	0	20	0	30	0	80	0	0
		<i>Salmonella</i>	10	0	20	0	20	0	30	0	80	0	0
		<i>Staphylococcus aureus</i>	10	0	20	0	20	0	30	0	80	0	0
	Tổng cộng		80	0	160	0	160	0	240	0	640	0	0



Các chương trình giám sát ATTP:

1. Giám sát tiêu thụ nội địa với sản phẩm thịt gà, thịt lợn: hàng năm
 - Lấy mẫu tại các cơ sở giết mổ, hộ kinh doanh
 - Thực hiện xét nghiệm các chỉ tiêu về Tổng số VSV, *E.coli*, *Salmonella spp.*
2. Giám sát ATTP đối với sữa tươi nguyên liệu: tại 7 tỉnh gồm Lâm Đồng, Gia Lai, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Tây Ninh, Bình Dương, TpHCM
3. Giám sát ATTP đối với sản phẩm động vật để xuất khẩu như thịt gà
4. Giám sát ATTP đối với yến xuất khẩu: tại 6 tỉnh gồm TP.HCM, Long An, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tiền Giang
5. Giám sát trứng xuất khẩu: 5 công ty



Giám sát chương trình giám sát KKS



- Giám sát KKS trên lợn, gà: tại 8 tỉnh gồm HCM, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Bình Dương (cũ), Cần Thơ, Khánh Hòa, Huế, Đà Nẵng
- Giám sát KKS trong nuôi trồng thủy sản tại Đồng Tháp: Cá và nước



Các hoạt động lấy mẫu, xét nghiệm giám sát kháng thuốc



Kết quả giám sát kháng thuốc

BẢNG TỈ LỆ KHÁNG KÈM ĐỘ TIN CẬY 95% CI - Salmonella spp. - Pork								
	Nhóm kháng sinh	Loại kháng sinh	Tên KS	Phân loại theo WHO	%			95% CI
					Kháng	Trung gian	Nhạy	
1	Aminoglycosides	Gentamicin 10µg	GEN	CIA	7.5	14.4	78.1	4.3 - 13
2		Amikacin 30µg	AMK	CIA	0.0	0.7	99.3	0 - 2.6
3	Amphenicol	Chloramphenicol 30µg	CHL	HIA	71.9	5.5	22.6	64.1 - 78.6
4	Carbapenem	Meropenem 30µg	MEM	HUO	0.0	0.0	100.0	0 - 2.6
5		Imipenem 10µg	IMP	HUO	0.0	0.0	100.0	0 - 2.6
6	Cephalosporins thế hệ 3	Ceftriaxone 30µg	CRO	HPCIA	2.7	0.7	96.6	1.1 - 6.8
7		Cefotaxime 30µg	CTX	HPCIA	2.7	0.0	97.3	1.1 - 6.8
8		Ceftazidime 30µg	CAZ	HPCIA	3.4	0.0	96.6	1.5 - 7.8
10	Quinolones	Ciprofloxacin 5µg	CIP	HPCIA	3.4	9.6	87.0	1.5 - 7.8
11		Nalidixic acid 30µg	NAL	HPCIA	9.6	6.8	83.6	5.8 - 15.5
12	Macrolides	Enrofloxacin 5µg	ENR	HPCIA	4.1	7.5	88.4	1.9 - 8.7
13		Norfloxacin 10µg	NOR	HPCIA	2.1	1.4	96.6	0.7 - 5.9
14	Macrolides	Azithromycin 15µg	AZM	HIA	11.6	0.0	88.4	7.4 - 17.9
15	Penicillins	Ampicillin 10µg	AMP	HIA	76.0	2.1	21.9	68.5 - 82.2
16	Tetracyclines	Tetracycline 30µg	TET	HIA	76.0	2.1	21.9	68.5 - 82.2
17	Sulphonamides/Trimethoprim	Sulfamethoxazole trimethoprim 25µg	SXT	HIA	62.3	5.5	32.2	54.2 - 69.8

Số lượng chủng <i>Salmonella</i> spp. với kích thước vòng kháng khuẩn (mm) ³																																					
	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	≥38				
1																																					
2	10		1									1	20	36	24	37	12	4	1																		
3	95		3		3	4		5		2		1	2	1	1	1	1	3	2	8	2	4	4			3		1									
4																					1	1	6	2	25	19	32	13	14	5	14	1	13				
5																																					
6	3																																				
7	4																																				
8	1																																				
10	1																																				
11	11																																				
12	2																																				
13	2																																				
14	3																																				
15	102																																				
16	95																																				
17	88																																				



Định hướng phát triển

- Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng xét nghiệm mẫu vi sinh, ATTP
- Tăng cường hợp tác, đào tạo tập huấn trong và ngoài nước
- Hợp tác nghiên cứu về kháng kháng sinh với các tổ chức quốc tế như cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế IAEA, ...



**CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ
LẮNG NGHE!**